

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÀNH HƯNG THỦ ĐÔ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI THÀNH HƯNG THỦ ĐÔ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CAPITAL THANH HUNG TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CAPITAL THANH HUNG, JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108387514

**3. Ngày thành lập:** 06/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 04 TT4, Khu đô thị thành phố Giao Lưu, đường Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947799362

Fax:

Email: lethiyeimai@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác                       | 4649        |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                           | 4651        |
| 3.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                        | 4741        |
| 4.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                                                         | 4634        |
| 5.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                              | 5610(Chính) |
| 6.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                 | 5621        |
| 7.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                       | 5630        |
| 8.  | Đại lý du lịch                                                                                                                | 7911        |
| 9.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4742        |
| 10. | Bán buôn gạo                                                                                                                  | 4631        |
| 11. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông                  | 4652        |
| 12. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                | 4723        |
| 13. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                              | 4771        |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi | 4931        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết:<br>- Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm<br>- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5590 |
| 16. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng;<br>- Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...;<br>- Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự;<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. | 5629 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.<br>(Theo Điều 28, Luật Thương mại 2005)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299 |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7020 |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>-Đại lý thương mại (Quy định tại Điều 166, Luật Thương mại số 36/2005/QH11)<br>-Môi giới thương mại (Quy định tại Điều 150, Luật Thương mại số 36/2005/QH11) không bao gồm môi giới bảo hiểm, môi giới mua bán bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610 |
| 21. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4632 |
| 22. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4633 |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641 |
| 24. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1030 |
| 25. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4620 |
| 26. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4781 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                              | 5510 |
| 28. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: - Dịch vụ cầm đồ. (Quy định tại Điều 3, Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện)                                                                             | 6492 |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh (Theo quy định tại Điều 37, Nghị định 36/2016/NĐ-CP, Nghị định về quản lý trang thiết bị y tế)                                | 4772 |
| 30. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;<br>- Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu | 4932 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng)<br>- Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác                                                                          | 4933 |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                          | 5229 |
| 34. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 35. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 36. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7912 |
| 37. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                           | 7920 |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện                                                                                                                                                                                                                 | 8230 |
| 39. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                          | 1062 |
| 40. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM LÊ YẾN NHI | Số 23, hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    | 013681523                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ MỸ LINH      | Số 11 Đặng Tất, Phường Quán Thánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 20,000    | 013194031                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM LÊ THÀNH   | Số 23, hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    | B9265234                                                                                    |         |
|     |                 |                                                                                              | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM LÊ YẾN NHI

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 12/02/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 013681523

Ngày cấp: 27/02/2014

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 23, hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 23, hẻm 97/24/1 đường Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội